

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 640/QĐ-HVPNVN ngày 8 tháng 11 năm 2019
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

Tên chương trình: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Tiếng Anh: Tourism and Travel Services Management

Mã số đào tạo: 7810103

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường đạt được những mục tiêu sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm, đầy đủ các chính sách, pháp luật của nhà nước; có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc;
- Có tư duy kinh tế một cách khoa học, hệ thống; hiểu biết sâu sắc về cả lý luận và thực tiễn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có khả năng làm việc ở môi trường trong nước và quốc tế;
- Có khả năng tạo lập, tổ chức, điều hành, phát triển thực tế hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị;
- Có tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng; có khả năng làm việc nhóm; nhận thức được các vấn đề về bình đẳng giới trong các hoạt động kinh tế, kinh doanh;
- Có năng lực giao tiếp, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc, nhất là năng lực ngoại ngữ ngành dịch vụ du lịch và lữ hành;
- Có đủ sức khỏe để làm việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội và kiến thức của ngành và chuyên ngành đào tạo, cụ thể như sau:

✓ Khái quát hóa kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật kinh doanh du lịch, Ngoại ngữ, Cơ sở văn hóa Việt Nam và các kiến thức chung về nghề nghiệp;

✓ Diễn giải được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý, lĩnh vực quản trị kinh doanh, lý thuyết, các vấn đề cơ bản của quản trị học, khoa học du lịch để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, kinh doanh và quản lý du lịch;

✓ Trình bày được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lí, khoa học công nghệ, pháp luật và bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch bền vững;

✓ Diễn đạt mạch lạc kiến thức chuyên sâu, bổ trợ và thực tiễn về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, gồm: Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn; Điểm tuyến du lịch Việt Nam; Quản trị lữ hành; Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; Quản trị điểm đến;...

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

✓ Hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai, đánh giá kế hoạch và phương án kinh doanh;

✓ Thao tác thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ trong kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành (kỹ năng hướng dẫn; kỹ năng điều hành, kỹ năng về buồng, bàn, bar, bếp ...);

✓ Tìm tòi, phát hiện, điều chỉnh, phát triển, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ mới trong kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành;

✓ Sắp xếp, điều hành và giám sát công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc hiệu quả; kỹ năng chăm sóc khách hàng và đối tác trong kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành;

✓ Hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và đánh giá kế hoạch/dự án phát triển các hoạt động du lịch và lữ hành tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch;

✓ Xây dựng được kế hoạch nghề nghiệp tương lai của cá nhân trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

Làm chủ các kỹ năng mềm cần thiết trong quản lý như: giao tiếp, thuyết trình, làm việc theo nhóm, xây dựng nhóm, giải quyết vấn đề, giám sát, đánh giá nhân viên, truyền đạt, thông tin, giải quyết xung đột, giải quyết phàn nàn,...

Cụ thể các kỹ năng sau:

✓ Kỹ năng làm việc (độc lập, nhóm, tra cứu thông tin, báo cáo,...);

✓ Kỹ năng giao tiếp (thuyết phục, trình bày,...);

✓ Kỹ năng thích ứng môi trường làm việc (trong nước, quốc tế, nghiên cứu, kinh doanh,...);

✓ Kỹ năng đặt mục tiêu, tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp; kỹ năng quản lý thời gian và bản thân trong các hoạt động đa dạng của ngành du lịch, dịch vụ,...

✓ Kỹ năng ngoại ngữ: sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương bậc 3 quy định về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Quy định tương đương sang chứng chỉ ngoại ngữ khác theo thông tư 05/2012/TT-BGDĐT);

✓ Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ (máy tính cá nhân, máy chiếu, phần mềm văn phòng Microsoft Office, phần mềm quản lý lữ hành, làm phương tiện trợ giúp công việc hàng ngày tại các công ty du lịch, đại lý lữ hành, khách sạn).

1.2.3. Thái độ

✓ Chấp hành chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước và các quy định liên quan đến lĩnh vực du lịch, đối ngoại;

✓ Có tinh thần tập thể, phục vụ tốt và trách nhiệm cao trong công việc;

✓ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ môi trường và cộng đồng. Có định hướng chất lượng và sự hài lòng của khách hàng trong thực hiện mọi công việc;

✓ Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ và lối sống lành mạnh;

✓ Có ý thức cầu thị, sáng tạo, phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý và nghiệp vụ.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Với những kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vai trò, vị trí khác nhau để làm những công việc có liên quan đến dịch vụ du lịch, cụ thể:

✓ Tham gia làm việc tại doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành, các tổ chức phi chính phủ,... ở các bộ phận điều hành tour, marketing, quan hệ khách hàng, tổ chức sự kiện, nhân sự, hướng dẫn du lịch,...;

✓ Cán bộ, chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ địa phương đến trung ương; các ban phụ trách về phát triển du lịch và khách sạn của các tổ chức chính trị xã hội;

✓ Nghiên cứu viên, giảng viên tại các trường Đại học/Học viện/Cao đẳng, các tổ chức nghiên cứu trong các lĩnh vực du lịch và khách sạn;

✓ Tham gia sáng lập, tự khởi nghiệp và điều hành doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Trình độ ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo tiếng Anh bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/01/2014;

- Trình độ tin học: Thành thạo các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian để hoàn thành chương trình là 4 năm. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa là 6 năm.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Những người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
- Tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phương án tuyển sinh của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

4. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo quy định của Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam; quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. THANG ĐIỂM

Theo Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: 120 tín chỉ chưa kể phần nội dung về Ngoại ngữ (10 tín chỉ); Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng (8 tín chỉ).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
6.1. Kiến thức giáo dục đại cương (31 tín chỉ – chưa kể Ngoại ngữ; Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)			
6.1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1	DHCT13	Triết học Mác - Lênin	3
2	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2
5	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6.1.2. Khoa học xã hội (10 tín chỉ)			
6	DHPL03	Pháp luật kinh doanh du lịch	3
7	DHTL03	Tâm lý học du lịch	3
8	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
9	DHVV02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
6.1.3. Ngoại ngữ (10 tín chỉ)			
		Tiếng Anh cơ bản (Course 1)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 2)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 3)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4 plus)	
6.1.4. Tin học- Khoa học tự nhiên (6 tín chỉ chưa tính GD thể chất và GD quốc phòng)			
10	DHNT13	Tin học văn phòng	3
11	DHKT13	Thống kê du lịch	3
12	DHGQ03 DHGQ04 DHGQ07	Giáo dục thể chất	3
13	DHQG03	Giáo dục quốc phòng	8
6.1.5. Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần) (4 tín chỉ)			
14	DHVV07	Lịch sử văn minh thế giới	2
	DHVV04	Lịch sử Việt Nam	2
15	DHPL07	Soạn thảo văn bản	2
	DHDL18	Văn hoá và nghệ thuật ẩm thực	2
	DHDL11	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2

6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (89 tín chỉ)			
6.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành (10 tín chỉ)			
16	DHKT02	Kinh tế vi mô	3
17	DHKT03	Kinh tế vĩ mô	3
18	DHGP01	Giới và phát triển	2
19	DHKT12	Kinh tế du lịch	2
6.2.2. Kiến thức ngành chính (50 tín chỉ)			
6.2.2.1. Kiến thức chung của ngành (18 tín chỉ)			
20	DHDL01	Tổng quan du lịch	3
21	DHPR04	Quản trị Marketing	3
22	DHTH05	Quản trị nguồn nhân lực	3
23	DHKT07	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
24	DHTH34	Quản trị chất lượng	3
25	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3
6.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (18 tín chỉ)			
26	DHDL02	Quản trị điểm đến	3
27	DHPR15	Quản trị sự kiện	3
28	DHDL22	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3
29	DHTT10	Thực tập 1: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5
30	DHNT24	Tiếng Anh Du lịch 1	2
31	DHNT25	Tiếng Anh Du lịch 2	2
<i>Kiến thức chuyên sâu Tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 khối kiến thức chuyên sâu)</i>			
<i>Khối kiến thức chuyên sâu về Quản trị Lữ hành (14 tín chỉ)</i>			
32	DHDL25	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lữ hành 1	3
33	DHDL26	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lữ hành 2	3
34	DHDL27	Quản trị kinh doanh lữ hành	3
35	DHTT11	Thực tập 2: Nghiệp vụ hướng dẫn và kinh doanh lữ hành	5
<i>Khối kiến thức chuyên sâu về Quản trị Khách sạn (14 tín chỉ)</i>			
32	DHDL31	Nghiệp vụ khách sạn 1	3
33	DHDL32	Nghiệp vụ khách sạn 2	3
34	DHDL34	Quản trị kinh doanh khách sạn	3
35	DHTT12	Thực tập 2: Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	5
6.2.3. Kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành (14 tín chỉ)			
Bắt buộc (10 tín chỉ)			
36	DHDL14	Phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống	3
37	DHDL35	Địa lý du lịch	2

38	DHDL30	Du lịch bền vững	3
39	DHKT30	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	2
Tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần) (4 tín chỉ)			
40	DHPR13	Marketing du lịch	2
	DHDL12	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	2
	DHPR27	Hành vi tiêu dùng du lịch	2
41	DHKT24	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2
6.2.4. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (15 tín chỉ)			
42	DHDL36	Thực tập 3: Thực tập tốt nghiệp	9
43	DHDL29	Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận) hoặc tương đương	6
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			
44	DHTH07	Quản trị chiến lược	3
45	DHPR28	Thương mại điện tử	3

Lưu ý: Tùy theo kết quả học tập của sinh viên trong mỗi khóa khác nhau để quy định tỷ lệ sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, đảm bảo điều kiện điểm học tập trung bình chung tích lũy tối thiểu trên 3,00 (tính theo thang điểm 4) và tỷ lệ làm khóa luận không quá 15%.

Tất cả sinh viên đều phải thực tập nghề nghiệp. Sinh viên không được làm khóa luận tốt nghiệp phải học 2 Học phần bổ sung. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp phải thực tập nghề nghiệp theo chủ đề khóa luận và bảo vệ khóa luận trước hội đồng.

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1-2)

HỌC KỲ 1			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Kinh tế vi mô	3	Không
2	Tổng quan du lịch	3	Không
3	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	Không
4	Địa lý du lịch	2	Không
5	Triết học Mác - Lênin	3	Không
6	Tin học văn phòng	3	Không
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
8	Giáo dục thể chất (học phần 1)	1	Không
Tổng		18 TC (Chưa tính GD thể chất)	

HỌC KỲ 2			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Điểm tuyển du lịch Việt Nam	3	Địa lý du lịch
2	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vi mô
3	Quản trị Marketing	3	Không
4	Phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống	3	Cơ sở văn hóa VN
5	Học phần tự chọn 1 (6.1.5)	2	Không
6	Giới và phát triển	2	Không
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Không
Tổng		16 TC (Chưa tính GDQP – Anh ninh)	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 - 4)

HỌC KỲ 3			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác - Lênin
2	Du lịch bền vững	3	Tổng quan du lịch
3	Tâm lý học du lịch	3	Không
4	Học phần tự chọn 2 (trong 6.1.5)	2	Không
5	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lễ hành 1/Nghiệp vụ khách sạn 1	3	Tổng quan du lịch
6	Thực tập 1: Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành	5	Tổng quan du lịch
Tổng		18 TC	
HỌC KỲ 4			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
2	Kiến thức bổ trợ tự chọn 1 (6.2.3)	2	Tổng quan du lịch

3	Kinh tế du lịch	2	Tổng quan du lịch
4	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lễ hành 2 /Nghiệp vụ khách sạn 2	3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lễ hành 1/Nghiệp vụ khách sạn 1
5	Quản trị kinh doanh lễ hành/ Quản trị kinh doanh khách sạn	3	Tổng quan du lịch
6	Thực tập 2: Nghiệp vụ khách sạn 2/Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lễ hành 2	5	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lễ hành 1/Nghiệp vụ khách sạn 1
7	Giáo dục thể chất (học phần 2)	1	Giáo dục thể chất (học phần 1)
Tổng		17 TC (Chưa tính GD thể chất)	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

HỌC KỲ 5			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Quản trị sự kiện	3	Tổng quan du lịch
3	Tiếng Anh Du lịch 1	2	Sinh viên phải đạt Toeic 370 trở lên
4	Quản trị nguồn nhân lực	3	Tổng quan du lịch
5	Kiến thức bổ trợ - tự chọn 2 (6.2.3)	2	Không
6	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	Không
7	Thống kê du lịch	3	Tổng quan du lịch
8	Giáo dục thể chất (học phần 3)	1	Giáo dục thể chất (học phần 2)
Tổng		18 TC (Chưa tính GD thể chất)	
HỌC KỲ 6			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT

1	Pháp luật kinh doanh du lịch	3	Tổng quan du lịch
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
3	Tiếng Anh Du lịch 2	2	Tiếng Anh du lịch 1
4	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	2	Không
5	Quản trị điểm đến	3	Tổng quan du lịch
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	Không
7	Quản trị chất lượng	3	Tổng quan du lịch
Tổng		18 TC	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7)

HỌC KỲ 7			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Thực tập 3: Thực tập tốt nghiệp (Báo cáo thực tập)	9	Thực tập 2: Nghiệp vụ khách sạn 2/ Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lễ hành 2
2	Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận) hoặc tương đương	6	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			
3	Quản trị chiến lược	3	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
4	Thương mại điện tử	3	
TỔNG		15 TC	

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên.

8.1. Về việc tổ chức đào tạo tiếng Anh cơ bản

Sinh viên nghiên cứu kỹ quy chế đào tạo và hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh cơ bản cho sinh viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp. Các yêu cầu cơ bản như sau:

a) **Tuần đầu tiên của học kỳ 1 năm thứ nhất**, toàn bộ sinh viên năm thứ nhất (ngoại trừ những sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hợp lệ) PHẢI tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh để Học viện xác định được trình độ tiếng Anh đầu vào và làm căn cứ xếp lớp học. Các sinh viên đạt yêu cầu về điểm thi hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thì được miễn học tối đa 2 khóa học cơ bản và được xếp vào các lớp có trình độ tương đương.

b) **Trên cơ sở kết quả đánh giá đầu vào**, sinh viên đăng ký học tập tiếng Anh cơ bản và nộp học phí tại Trung tâm CETCAW thuộc Học viện theo lịch giảng dạy của từng khóa học (course), đảm bảo không trùng với lịch học tập của các học phần trong chương trình đào tạo.

- Kết thúc mỗi năm học, trung tâm CETCAW sẽ gửi kết quả đánh giá hoàn thành các khóa học, bao gồm cả việc xác minh kết quả học tập tiếng Anh từ bên ngoài của sinh viên, tổng hợp theo mã số sinh viên về phòng Đào tạo để cập nhật vào hệ thống.

- Những sinh viên không tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh sẽ đăng ký học từ đầu (course 1) tại trung tâm CET-CAW

- Những sinh viên không tham gia học tập tiếng Anh cơ bản tại trung tâm CETCAW thuộc Học viện PHẢI gửi minh chứng trình độ tiếng Anh theo số tín chỉ tích lũy về trung tâm CETCAW để kiểm tra, xác nhận chậm nhất vào tuần học thứ 15 kỳ 2 của mỗi năm học. Nếu không có minh chứng, sinh viên sẽ phải đăng ký tham gia kỳ thi tiếng Anh cuối mỗi năm học do CETCAW tổ chức.

- Quá trình học tập và Kết quả học tập tiếng Anh là căn cứ để xác định số lượng tín chỉ tối đa được đăng ký trong mỗi học kỳ của năm học tiếp theo, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và tốt nghiệp của sinh viên.

- Các sinh viên học tiếng Anh cơ bản tại Trung tâm CETCAW sẽ được cam kết cung cấp dịch vụ đào tạo có chất lượng, với chi phí học tập thấp do được hưởng chính sách hỗ trợ học phí từ Học viện.

c) **Sau khi hoàn thành 4 khóa học tiếng Anh cơ bản**, sinh viên đăng ký thi chứng chỉ đầu ra tiếng Anh tại trung tâm CETCAW chậm nhất vào kỳ 2 của năm thứ tư. Khuyến khích các sinh viên đăng ký thi chứng chỉ quốc tế do trung tâm CETCAW phối hợp với đối tác tổ chức để đảm bảo các chứng chỉ có giá trị trong tuyển dụng, nộp hồ sơ đăng ký các bậc học cao hơn hoặc cho các mục đích cá nhân khác.

8.2. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần

Chương trình đã phân bổ cụ thể về thời lượng lý thuyết và thực hành/thảo luận cho các học phần theo đúng quy định. Căn cứ vào thực tiễn dạy học và chương trình phổ thông mới, các bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các bộ môn chú ý

tính kế thừa và thống nhất của các học phần trong và ngoài bộ môn. Ngoài ra, cần chú trọng lồng ghép các vấn đề về giới và bình đẳng giới trong nội dung của từng học phần.

8.3. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn. Cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh thực tế, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác...

- Các học phần chuyên ngành phải có sự lồng ghép ít nhất 1 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa doanh nhân và sinh viên.

8.4. Về đánh giá kết quả học tập

Quy định cụ thể trong quy chế đào tạo - Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Đặc biệt, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tham gia hoạt động thực hành kinh doanh ở Phòng thực hành kinh doanh của Học viện, nếu có kế hoạch và được đánh giá tốt sẽ thay thế cho một (01) môn học tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN



TS. Trần Quang Tiến